TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2017/DS-ST
Ngày: 09/6/2017.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thăng

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng
2. Ông Nguyễn Thành Vinh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tuyến - Kiểm sát viên

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Văn Đoàn – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 09/6/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2016/TLST-DS ngày 28/12/2016 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/QĐDS-ST ngày 25/4/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/QĐST-DS ngày 19/5/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B

Trụ sở: Đường K, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Thái Hoàn V, giấy uỷ quyền ngày 31/3/2017 (Có mặt).

Bị đơn: Ông Mai Nguyễn Bảo N, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Đường 5, Khu phố 3, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2016, trong quá trình giải quyết vụ án và tại Tòa nguyên đơn có đại diện theo ủy quyền là ông Thái Hoàn V trình bày:

Vào ngày 11/5/2016 ông Mai Nguyễn Bảo N có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm Hợp đồng tín dụng. Cùng ngày 11/5/2016 Ngân hàng cấp thẻ tín dụng số 4206920011780866 cho ông Ngọc có hạn mức là 20.000.000 đồng với thời hạn là 03 năm, lãi suất 29%/năm. Sau khi được cấp thẻ tín dụng và trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến tháng 8/2016 ông N đã thực hiện nhiều lần rút tiền mặt với tổng số tiền là 39.000.000 đồng và giao dịch thanh toán bằng thẻ với tổng số tiền là 22.000.000 đồng, cụ thể: Từ ngày 21/5/2016 đến ngày 21/6/2016 ông N rút số tiền 18.000.000 đồng, đến ngày 14/7/2016 ông N

thanh toán 20.000.000 đồng; từ ngày 21/6/2016 đến ngày 20/7/2016 ông N rút tiếp số tiền 18.005.000 đồng và đến ngày 18/8/2016 ông N thanh toán 1.000.000 đồng; từ ngày 21/7/2016 đến ngày 20/8/2016 ông Ngọc tiếp tục rút số tiền 3.000.000 đồng, đến ngày 16/9/2016 ông N thanh toán 1.000.000 đồng. Từ ngày 16/9/2016 đến nay ông N không tiếp tục thanh toán số tiền còn lại. Nay Ngân hàng yêu cầu ông N thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/5/2017 với tổng số tiền là 23.302.474 đồng (bao gồm tiền gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi là 1.854.474 đồng, phí là 1.448.000 đồng.

Bị đơn ông Mai Nguyễn Bảo N từ khi thụ lý hồ sơ Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tiến hành triệu tập ông N đến Tòa để giải quyết việc kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B nhưng ông N không đến, sau khi tiến hành xác minh, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, quy định của pháp luật nhưng ông Ngọc vẫn cố tình vắng mặt tại Tòa nên mở phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Mai Nguyễn Bảo N phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu tính đến ngày 09/6/2017 là 24.540.050đ (Hai mươi tư triệu năm trăm bốn mươi nghìn không trăm năm mươi đồng; trong đó nợ gốc là 17.000.000 đồng, lãi 5.788.297 đồng, phí là 1.751.753 đồng, yêu cầu thực hiện một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu trong quá trình giải quyết vụ án. Về mặt tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Mai Nguyễn Bảo N có địa chỉ địa chỉ cuối cùng tại phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng thương mại cổ phần V là một bên trong hợp đồng có đơn khởi kiện và còn trong thời hiệu, nên thẩm quyền giải quyết vụ án này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện đền ngày 13/12/2016 và chứng cứ kèm theo của Ngân hàng, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là: ‘‘*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hiện khởi kiện: Thời hiệu khởi kiện là ba năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, như vậy hai bên ký hợp đồng vào ngày 11/5/2016 đến ngày 13/12/2016 Ngân hàng khởi kiện là còn trong thời hiệu, được pháp luật quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng ủy quyền cho ông Nguyễn Sĩ H tham gia tố tụng tại Tòa án, đến ngày 31/3/2017 Ngân hàng ủy quyền cho ông Thái Hoàn V thay ông H tham gia tố tụng và được Tòa án chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Mai Nguyễn Bảo N sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án để trình bày lời khai, hòa giải, đối chất và lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Do ông N vắng mặt mà không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại Điều 227, Điều 233 và 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về yêu cầu của các đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với ông Mai Nguyễn Bảo N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ký kết ngày 11/5/2016 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B và ông Mai Nguyễn Bảo N có cơ sở để xác nhận giữa nguyên đơn và ông N đã phát sinh quan hệ giao dịch vay tài sản. Sau khi được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng số 4206920011780866 ông N đã thực hiện nhiều lần rút tiền mặt với số tiền 39.000.000 đồng. Đồng thời, ông N cũng giao dịch thanh toán qua thẻ tín dụng nói trên cho Ngân hàng với tổng số tiền 22.000.000 đồng vào các ngày 14/7/2016; 18/8/2016 và ngày 16/9/2016. Từ ngày 16/9/2016 cho đến nay ông Ngọc không thanh toán tiếp số tiền còn lại cho Ngân hàng, đây chính là nguyên nhân làm phát sinh tranh chấp giữa Ngân hàng đối với ông N.

Về khoản tiền nợ gốc: Xét trong thời hạn vay kể từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay ông N sử dụng thẻ tín dụng để giao dịch rút tiền mặt với số tiền là 39.000.000 đồng và mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 22.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng được các bên xác lập vào ngày 11/5/2016. Nay Ngân hàng yêu cầu ông N phải thanh toán số nợ gốc là 17.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về khoản tiền lãi và phí: Xét Ngân hàng yêu cầu ông N phải thanh toán số tiền lãi là 5.788.297 đồng đồng và phí là 1.751.753 đồng là phù hợp với quy định về mức lãi suất theo thỏa thuận được quy định tại khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Ngoài ra, căn cứ Điều 5, Điều 11, Điều 12, Điều 13 và 14 Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, bảng chiết tính chi tiết quá trình sử dụng thẻ tín dụng của khách hàng Mai Nguyễn Bảo N và các bản sao kê thông báo giao dịch hàng tháng của ông N, Hội đồng xét xử xét thấy đủ

căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể buộc ông Mai Nguyễn Bảo N phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền 24.540.050đ (Hai mươi tư triệu năm trăm bốn mươi nghìn không trăm năm mươi đồng; trong đó nợ vốn là 17.000.000 đồng, lãi 5.788.297 đồng, phí là 1.751.753 đồng thực hiện một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: 1.722.000 đồng ông Mai Nguyễn Bảo N phải chịu;

Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 351, Điều 463, Điều 465 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016;

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Buộc ông Mai Nguyễn Bảo N phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền 24.540.050 đồng (trong đó nợ gốc là 17.000.000 đồng, lãi 5.788.297 đồng, phí là 1.751.753 đồng), thực hiện một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Mai Nguyễn Bảo N phải chịu 1.227.000đ (Một triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn đồng);

- Ngân hàng thương mại cổ phần B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 511.095 đồng, theo biên lai thu số số 0014585 ngày 28/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt

khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (Đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014").

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Q.Thủ Đức; (1)
- CC.THADS Q. Thủ Đức; (1)
- Hai bên đ/sư; (2)
- Lưu: Hồ sơ, Vp. (3)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Văn Thăng